

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 221/2024/DS-PT

Ngày: 25-9-2024

V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ

Các Thẩm phán: Ông Đào Trọng Hải

Bà Bùi Thị Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Vũ Vân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:** Ông Thái Quốc Bảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18-9 và 25-9-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐ-PT ngày 19-02-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐ-PT ngày 15-3-2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 296/2024/TB-TA ngày 29-8-2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 228/2024/QĐ-TA ngày 18-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1978; Địa chỉ 1 T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*),

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979; Địa chỉ 400 H, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc B P, phường G, quận T, thành phố Hồ Chí Minh - là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18-12-2023 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Võ Minh L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ 4 T, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*có mặt*),

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Luật sư Trần Trịnh Quốc L1, sinh năm 1993, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: A P, phường G, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1985; Địa chỉ Ấp P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ liên lạc 2 T, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*).

3.2. Bà Lê Bích P, sinh năm 1960; Địa chỉ C L, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*vắng mặt*).

4. Người kháng cáo: Ông Võ Minh L và bà Nguyễn Thị Thu H2 – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N và người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N có quen biết với vợ chồng ông Võ Minh L và bà Nguyễn Thị Thu H2 nên cho ông L, bà H2 mượn tiền nhiều lần để họ lo công việc làm ăn. Công việc của bà N là đầu nậu liên quan đến các mảng của nghề đánh cá, đầu nậu có nghĩa là bà N cho ứng tiền trả tiền dầu, tiền đá, các chi phí khác... liên quan đến việc đánh bắt cá cho các chủ tàu trước rồi chờ ghe họ đi biển về thanh toán lại cho bà N. Quan hệ giữa bà N và vợ chồng ông L cũng gọi là quan hệ đầu nậu với chủ ghe. Số tiền vợ chồng ông L nợ bà nêu trên gọi chung là tiền đầu nậu. Ông L, bà H2 ứng tiền của bà rất nhiều lần để chi trả cho các chi phí liên quan đến ghe đi đánh cá.

Do chi phí cho ghe đánh cá rất nhiều loại, bà N không thể nhớ chính xác vì sổ sách hiện nay đã thất lạc. Bà N đã yêu cầu bà H2 đối chiếu lại sổ sách của bà H2 và tự viết giấy nhận nợ nên đến ngày 01-7-2022 bà H2 cung cấp “Giấy nhận nợ” với nội dung ông L, bà H2 của bà N tính từ ngày 13-7-2018 đến ngày 05-3-2019 là 2.598.409.400 đồng. Do đó, bà H2, ông L đã viết giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 30-9-2022 sẽ trả dứt điểm số tiền này cho bà N, giấy này có tiêu đề là “Giấy nhận nợ”. Tuy nhiên sau đó bà H2 và ông L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Ngày 01-11-2022, bà N đã có thông báo đòi tiền gửi cho ông L, bà H2 trong thời hạn 03 ngày phải trả tiền cho bà N nhưng bà H2 và ông L không thực hiện.

Trong quá trình làm việc tại Tòa, ông L cho rằng chữ viết, chữ ký có tên L – Võ Minh L không phải do ông L viết mà là do bà H2 vợ ông viết, ký thay ông nên ông L không đồng ý với nội dung của giấy này. Tuy nhiên, “Giấy nhận nợ” này do chính ông L đưa lại cho bà N, vì vậy ông L đã mặc nhiên thừa nhận việc vợ chồng ông có nợ tiền của bà N như trong “Giấy nhận nợ” nên bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông L, bà H2 cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N không thừa nhận đã đưa cho bà H2 các “Giấy nhận nợ” đề ngày 01-01-2022, ngày 01-4-2022, ngày 01-7-2022 không có chữ ký của người nhận nợ; 03 tờ giấy ghi tiêu đề Hà Lo thể hiện số tiền 2.519.317.400đ, 2.558.863.400đ, 2.598.409.400đ. Nếu ông L cho rằng các giấy này do bên phía bà N đưa thì ông L phải có nghĩa vụ chứng minh.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ông L, bà H2 có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền nợ gốc 2.598.409.400 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất của ngân hàng từ ngày bà N nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử.

Đồng thời bà N vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài sản đối với 03 tàu đánh cá mang số đăng ký BV 097308-TS; BV 8443-TS; BV 8542-TS đứng tên ông Võ Minh L.

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1, bà N cho rằng nếu ông L có mua dầu của công ty T1 thì cũng xem ông L là khách hàng mua bán lẻ. Theo nội dung “Giấy nhận nợ” đề ngày 01-7-2022 bà H2 ghi “Nay tôi làm giấy nhận nợ này là có nợ của bà Nguyễn Thị Hồng N...”, không phải là nợ của Công ty TNHH T1 nên việc ông L, bà H2 yêu cầu đưa Công ty TNHH T1 vào tham gia tố tụng là không đúng. Với tư cách Giám đốc của Công ty TNHH T1 bà xác định, ông L có giao dịch mua bán hàng với Công ty TNHH T1 và cũng có giao dịch mượn tiền của bà, “Giấy nhận nợ” là sự xác nhận về công nợ riêng giữa ông L, bà H2 với cá nhân bà, không liên quan đến những công nợ còn lại giữa ông L với Công ty TNHH T1.

Bị đơn là ông Võ Minh L và bà Nguyễn Thị Thu H2 trình bày:

Thực tế vợ chồng ông, bà mua dầu của Công ty TNHH T1, bà Nguyễn Thị Hồng N là người của Công ty. Khi giao dịch dầu, tiền thì có trợ lý của Công ty TNHH T1 là bà P và bà V ký nhận. Ông, bà mua dầu tại cây xăng của Công ty TNHH T1 nhưng số tiền nợ 2.598.409.400 đồng là không đúng. Đề nghị Tòa án đưa Công ty TNHH T1 và những trợ lý của Công ty TNHH T1 ký nhận tiền của ông, bà vào tham gia trong vụ án để làm rõ các vấn đề trong vụ án.

Vợ chồng ông, bà không đồng ý với nội dung của “Giấy nhận nợ” đề ngày 01-7-2022 do bà N cung cấp. “Giấy nhận nợ” này do bà H2 viết dựa trên những nội dung được phía bà N soạn thảo sẵn. Chữ ký, chữ viết của người nhận nợ tên Nguyễn Thị H1 đúng là do bà Nguyễn Thị Thu H2 ký, viết nhưng chữ ký, chữ viết có tên L – Võ Minh L không phải là chữ ký của ông L mà do bà H2 viết giả, ký giả. Ông, bà không vay tiền của bà N vì khi cần vay tiền vợ chồng ông sẽ vay tiền của ngân hàng, nên không đồng ý, không có nghĩa vụ trả số tiền theo yêu cầu của bà N, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tuy vợ ông là bà Nguyễn Thị Thu H2 có viết, có ký giấy nhận nợ này nhưng do bà H2 cả tin, không am hiểu pháp luật nên đã bị người bên phía bà N dẫn dụ chép lại nội dung giấy nhận nợ của bà N một cách bị động và ký giả chữ ký của ông vì bà N dẫn dụ “*Chị cứ ký giả tên anh L vào đi không sao đâu*”. Do bà H2 hiểu sai về chủ thể, tính chất vụ việc và nội dung của việc mua dầu trước đó nên đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu.

Ông yêu cầu được làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị Hồng N, không thông qua người đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Nguyễn Thị Kim H. Đối với các “Giấy

nhận nợ” không có chữ ký do phía bà N đưa tới, nếu bà N, bà V, bà P không thừa nhận đã viết các giấy này, ông đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ qua cơ quan công an giải quyết để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

Đối với 02 tài liệu, chứng cứ ông mới cung cấp là “Hóa đơn bán lẻ ngày 26-12-2013” và “Hóa đơn bán lẻ ngày 30-12-2023” thể hiện người mua hàng Võ Minh L và hai hóa đơn đều có dấu đỏ của Công ty TNHH T1, có dấu xác nhận đã giao hàng và có chữ ký của cửa hàng trưởng tên Mai Văn T. Điều này thể hiện rõ việc ông có giao dịch mua bán xăng dầu với Công ty TNHH T1, ông đề nghị đưa ông Mai Văn T vào tham gia phiên tòa.

Ông L giữ nguyên ý kiến về việc đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại giá trị 03 con tàu của ông bà hiện đang bị phong tỏa theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29-11-2022 vì giá trị của 03 con tàu đang bị phong tỏa lớn hơn khoản nợ bà N yêu cầu vợ chồng ông, bà trả. Việc kê biên cả 03 con tàu rất thiệt hại cho ông bà, ông L sẽ chứng minh thiệt hại và yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác nếu cần.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Tuyết V và bà Lê Thị Bích P1 trình bày: Bà V, bà P1 là nhân viên của Công ty TNHH T1 và không có quan hệ gì với ông L, bà H2 nhưng do làm việc tại Công ty TNHH T1 và ông L thường chạy qua lại Công ty TNHH T1 do ghe nhà ông L hay đậu nhờ sau cảng nhà bà N nên hai bên có quen biết nhau. Đối với việc ông L cho rằng các bà cầm các giấy tờ thiếu nợ tiền dầu của Công ty TNHH T1 qua cho ông L, bà H2 ký là không đúng sự thực vì theo nhận biết của các bà thì bà N đang kiện vợ chồng ông L là khoản nợ riêng không liên quan đến Công ty TNHH T1. Các bà cũng chưa bao giờ giao nhận tiền hay cầm giấy tờ gì của Công ty TNHH T1 sang nhà ông L, bà H2 để yêu cầu ký vì nếu có đối chiếu công nợ thì ông L, bà H2 phải sang bên Công ty TNHH T1 để làm việc.

Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Buộc ông Võ Minh L và bà Nguyễn Thị Thu H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N tổng số tiền là 2.835.643.742 đồng. Trong đó có 2.598.409.000 đồng nợ gốc và 237.234.742 đồng lãi chậm trả.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo: Bị đơn là ông Võ Minh L có đơn kháng cáo ngày 10-10-2023 và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 có đơn kháng cáo ngày 18-10-2023 với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng; xác định sai tư cách tố tụng; không thu thập đầy đủ chứng cứ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện; thay đổi quan hệ pháp luật một cách tùy tiện; ông L yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để chuyển hồ sơ sang công an giám định hành vi gian dối của bà V,

bà P1 nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Bà N chỉ yêu cầu ông L, bà H2 trả nợ cho cá nhân bà N theo “Giấy nhận nợ” ngày 01-7-2022; Còn ông L không có chứng cứ chứng minh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa liên quan đến giấy nhận nợ và Công ty TNHH T1. Kháng cáo của ông L cho rằng vụ án có quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là không có căn cứ.

Về nội dung nợ: Theo các tài liệu, chứng cứ ông L cung cấp, chỉ chứng minh rằng ngày 17-02-2020 ông L, bà H2 đã thanh toán xong khoản nợ tiền đầu, không đồng nghĩa với việc bà H2 ký nhận nợ với bà N ngày 01-7-2022 là không có thật, bởi giữa các bên còn có nhiều mối quan hệ dân sự khác nhau.

Về chủ thể có nghĩa vụ trả nợ: Ông L và bà H2 thừa nhận “Giấy nhận nợ” ngày 01-7-2022 do chính bà H2 là người trực tiếp viết và ký, bao gồm cả chữ ký tên ông L. Bà H2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không đưa ra được chứng cứ chứng minh bị đe dọa, cưỡng ép hay lừa dối. Và ông L lại thừa nhận sau khi bà H2 viết “Giấy nhận nợ”, chính ông L là người đưa giấy cho bà N. Như vậy, số tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 01-7-2022 thể hiện sự thỏa thuận, thống nhất giữa bà H2 với bà N về đơn giá và số nợ cuối cùng, nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, ông L cùng bà H2 phải có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc 2.598.409.000đ theo “Giấy nhận nợ” cho bà N.

“Giấy nhận nợ” ngày 01-7-2022 không thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 30-9-2022. Do đó, bên có nghĩa vụ trả nợ mà chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, với lãi suất 10%/tháng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu ông L bà H2 trả số tiền lãi quá hạn là 237.234.742đ là có lợi cho ông L, bà H2.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Minh L2 và bà Nguyễn Thị Thu H2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, đều thuộc trường hợp đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu ông Võ Minh L và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H2 phải trả cho bà N số tiền còn nợ là 2.598.409.400đ. Ông L, bà H2 cho rằng ông L chỉ giao dịch mua bán xăng dầu với Công ty của bà N là Công ty TNHH T1 (Công ty T1) để phục vụ cho tàu cá của ông L, hoàn toàn không làm ăn riêng với bà N, không nợ bà N. Giấy nhận nợ là do người của bà N là bà Nguyễn Thị Tuyết V – kế toán, bà Lê Bích P1 – thủ quỹ Công ty T1 mang mẫu chép sẵn đến cho bà Hà c lại và bà H2 cũng giả chữ ký và chữ viết tên ông L trong giấy nhận nợ. Do vậy ông L, bà H2 không đồng ý trả tiền cho bà N.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng hồ sơ vụ án có 03 (ba) Giấy nhận nợ do cả hai bên cung cấp, gồm: Giấy nhận nợ ngày 01-01-2022, ngày 01-4-2022 và ngày 01-7-2022. Qua lời khai của các bên đương sự thì xác định được các giấy này toàn bộ là chữ viết và chữ ký của bà H2, kể cả chữ ký và chữ viết “Lo – Võ Minh L” họ tên của ông L (*BL 01 tập 1; 50, 53 tập 7*).

[2.3] Các Giấy nhận nợ trên có nội dung ông L, bà H2 nợ tiền dầu của bà N chưa trả. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, bà N và người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng đây là nợ do bà N nhiều lần cho vợ chồng ông L, bà H2 vay để làm ăn, không tính lãi. Có lúc bà N cho rằng không nhớ mục đích ông L, bà H2 mượn tiền để làm gì vì bà cho vay nhiều lần và thời gian đã lâu. Có lúc thì khai do bà N làm đầu nậu nên ứng tiền cho ông L mua dầu, mua đá ... khi tàu cá ông Lo về thì ông L sẽ bán cá và trả tiền lại cho bà N, chứ không phải bà N bán dầu cho ông L, còn giấy nợ là do bà H2 tự viết nên bà H2 ghi đó là nợ gì là việc của bà H2, còn bà N chỉ quan tâm đến số tiền nợ ghi đúng là được. Thấy rằng:

[2.3.1] Các đương sự trong vụ án có lời trình bày và lập luận khác nhau về khoản tiền nợ. Tòa án thấy cần phải làm rõ các vấn đề để có kết luận chính xác, tuy nhiên khi Tòa án yêu cầu thì bản thân bà N đã không trình bày được rõ ràng, mạch lạc lý do dẫn đến khoản nợ mà bà đang yêu cầu ông L, bà H2 phải thanh toán.

[2.3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và giấy nhận nợ, Hội đồng xét xử thấy trường hợp này giấy nhận nợ được xác nhận sau thời điểm đã xảy ra sự kiện giao tiền hoặc quyết toán tiền của các lần giao dịch mua bán, không phải xác nhận đồng thời khi sự kiện xảy ra; Đồng thời giấy nhận nợ bà H2 viết và giao cho bà N giữ, bà H2 ghi là nợ tiền mua dầu, bà N cho rằng không phải nợ tiền dầu mà đó là nợ tiền đầu nậu bà

N cho vay, nhưng bà N không yêu cầu bà H2 sửa lại cho đúng. Ông L, bà H2 từ chối trả nợ nên cần phải làm rõ bản chất của món nợ là gì, nếu là nợ do mua bán dầu trong khi ông L là người trực tiếp sử dụng tàu cá, thực hiện việc giao nhận tiền và dầu mà bà H2 tự ý chốt nợ với bà N, không có sự đồng ý của ông L, ông không biết, không ký nhận thì cần xem xét làm rõ những vấn đề các bên nêu ra.

[2.3.3] Nếu là nợ tiền dầu thì theo quy định pháp luật, bà N với tư cách cá nhân sẽ không được phép kinh doanh xăng dầu, nguồn dầu bà bán cho ông L là từ đâu mà có cũng cần phải làm rõ để xác định số tiền ông L nợ. Bà N với tư cách là Giám đốc Công ty T1, bà V là kế toán công ty, bà P1 là thủ quỹ Công ty T1 đều khai rằng do ông L hay đậu nhờ ghe sau cảng của Công ty nên mới quen biết nhau, Công ty chưa bao giờ giao dịch mua bán gì với ông L, nếu có thì ông L phải chứng minh có làm ăn với Công ty T1. Tuy nhiên ông L cho rằng ông mua dầu từ cây xăng của Công ty T1 từ năm 2010 cho đến năm 2020, có khi trả tiền ngay, có khi phải vay ngân hàng để trả, mỗi lần ông mua dầu thì có ông Mai Văn T cửa hàng trưởng của Công ty T1 giao dầu, còn bà V hoặc bà P1 thu tiền và xác nhận thanh toán với ông L. Theo tài liệu do Ngân hàng TMCP C cung cấp thì ông L có vay tiền của Ngân hàng nhiều lần để chuyển khoản thanh toán tiền mua dầu vào tài khoản của Công ty T1 và tài khoản của bà N. Sau khi ông L cung cấp chứng cứ thì bà N mới xác nhận thỉnh thoảng có bán lẻ dầu cho ông L. Như vậy việc ông L giao dịch mua dầu với Công ty T1 là có thật, chứng tỏ bà N và các nhân viên trình bày không đúng sự thật.

[4] Như vậy, với thực trạng như đã nêu thì tiền ông L, bà H2 nợ theo các giấy nhận nợ nêu trên là nợ với cá nhân bà N hay với Công ty T1 còn chưa được làm rõ. Vì ông L đã cung cấp được ông có các giao dịch mua bán dầu với Công ty T1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty T1 vào tham gia vụ án để chứng minh cho rõ những vấn đề liên quan đến Công ty nhưng đã quyết định đây là khoản nợ với cá nhân bà N là chưa thuyết phục.

[5] Ông L, bà H2 còn cung cấp ba tờ giấy nhận nợ có nội dung giống với ba tờ giấy nhận nợ mà bà H2 viết và ký, chỉ khác là ba tờ này không có ai ký và ông L, bà H2 khai không phải do bà H2 viết ra, mà là do bà V và bà P1 mang đến yêu cầu bà Hà c lại (*BL 48, 51, 54 tập 7*), đồng thời kèm theo mỗi tờ này là một tờ giấy khác có tiêu đề “Hà Lo” thể hiện các số liệu tính ra số tiền khớp với số nợ ghi trên tờ giấy nhận nợ (*BL 49, 52, 55 tập 7*); Bà N, bà V, bà P1 không thừa nhận các tờ giấy này. Nay ông L, bà H2 yêu cầu giám định chữ viết của bà P1 để chứng minh bà P1 có phải là người viết các tờ giấy nêu trên cho bà Hà c lại không là cần thiết, nhưng Tòa án chưa thực hiện việc này.

[6] Vì sự việc tranh chấp có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, cần cho đối chất giữa ông L, bà H2, bà V, bà P1, bà N nhưng do bà N không đến Tòa án, chỉ gửi ý kiến đến Tòa và cho người đại diện đến, còn bà P1 đến Tòa án cấp sơ thẩm chỉ một lần để Tòa án lấy lời khai (không tự viết bản khai, có Đơn xin xét xử vắng mặt nhưng qua

quan sát thấy phần chữ ký họ tên ở cuối và chữ viết trong phần nội dung không giống nhau), sau đó không đến Tòa án nên những việc nêu trên chưa thực hiện, chưa làm rõ được.

[7] Những vấn đề còn chưa rõ nêu trên không thể thực hiện được ở phiên tòa phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Về vấn đề áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 03 (ba) con tàu cá mang số đăng ký BV 097308-TS; BV 8443-TS; BV 8542-TS của ông L để đảm bảo việc thi hành án cho bà N thì ông L có nhiều khiếu nại cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng. Khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án sẽ xem xét theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 148; Điều 293, 296, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Minh L, bà Nguyễn Thị Thu H2 không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001392 ngày 10-10-2023 và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001447 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25-9-2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Huệ